

**CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ AMY**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ AMY

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: AMY SERVICE DEVELOPMENT  
COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 2301182420

**3. Ngày thành lập:** 13/08/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 36, phố Ngọc Hân Công Chúa, Phường Ninh Xá, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc  
Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 0222 3812388

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Mã ngành    |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>Chi tiết: Khách sạn<br>Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                                | 5510(Chính) |
| 2.  | Cơ sở lưu trú khác<br>Chi tiết: Ký túc xá học sinh, sinh viên<br>Chỗ nghỉ trọ trên xe lưu động, lều quán, trại dùng để nghỉ tạm<br>Cơ sở lưu trú khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                             | 5590        |
| 3.  | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động<br>(Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ<br>trường)<br>Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (trừ cửa hàng ăn<br>uống thuộc chuỗi cửa hàng ăn nhanh)<br>Cửa hàng ăn uống thuộc chuỗi cửa hàng ăn nhanh<br>Dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động khác | 5610        |
| 4.  | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên<br>với khách hàng                                                                                                                                                                                                                                              | 5621        |
| 5.  | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 5629        |
| 6.  | Đại lý du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 7911        |
| 7.  | Điều hành tua du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 7912        |
| 8.  | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá<br>và tổ chức tua du lịch                                                                                                                                                                                                                                   | 7990        |

|     |                                                                                                                                                                                             |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 9.  | Cho thuê xe có động cơ<br>Chi tiết: cho thuê ô tô                                                                                                                                           | 7710 |
| 10. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                                         | 4931 |
| 11. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết:<br>Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi<br>Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng<br>Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô | 4932 |
| 12. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                              | 4933 |
| 13. | Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)<br>(không bao gồm phẫu thuật thẩm mỹ)                                                         | 9610 |
| 14. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                                          | 4649 |
| 15. | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                                        | 4641 |
| 16. | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                                                                                                                                              | 4631 |
| 17. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                          | 4632 |
| 18. | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                            | 4633 |
| 19. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>(trừ loại Nhà nước cấm)                                                                                                                | 4669 |
| 20. | Bán buôn tổng hợp<br>(trừ loại Nhà nước cấm)                                                                                                                                                | 4690 |
| 21. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>(trừ các loại Nhà nước cấm)<br>Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket)<br>Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket)           | 4719 |
| 22. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                           | 4721 |
| 23. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                            | 4722 |
| 24. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                     | 4759 |
| 25. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                     | 4772 |
| 26. | Lập trình máy vi tính<br>Chi tiết: Hoạt động viết, sửa, thử nghiệm và trợ giúp các phần mềm                                                                                                 | 6201 |
| 27. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                         | 6202 |
| 28. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính                                                                                                             | 6209 |
| 29. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                         | 4651 |
| 30. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông<br>(Trừ thiết bị thu phát sóng)                                                                                                          | 4652 |

|     |                                                                                                                                             |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 31. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                             | 4659 |
| 32. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                      | 4741 |
| 33. | Hoạt động tư vấn quản lý                                                                                                                    | 7020 |
| 34. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - xuất khẩu, nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh | 8299 |
| 35. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ loại Nhà nước cấm)                                                            | 4773 |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: \_\_\_\_\_ Giới tính: \_\_\_\_\_  
 Sinh ngày: \_\_\_\_\_ Dân tộc: \_\_\_\_\_ Quốc tịch: \_\_\_\_\_  
 Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: \_\_\_\_\_  
 Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: \_\_\_\_\_  
 Ngày cấp: \_\_\_\_\_ Nơi cấp: \_\_\_\_\_  
 Địa chỉ thường trú: \_\_\_\_\_  
 Địa chỉ liên lạc: \_\_\_\_\_

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: NGUYỄN THANH TRANG Giới tính: Nữ  
 Chức danh: Giám đốc  
 Sinh ngày: 22/01/1995 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam  
 Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân  
 Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 125745905  
 Ngày cấp: 01/10/2012 Nơi cấp: Công an tỉnh Bắc Ninh  
 Địa chỉ thường trú: Phố Đại Đình, Phường Đồng Kỵ, Thị xã Từ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam  
 Địa chỉ liên lạc: Phố Đại Đình, Phường Đồng Kỵ, Thị xã Từ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Ninh